

Bản án số: 84/2022/HS- ST

Ngày: 16- 6- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hiền
2. Ông Lê Minh Thơm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tứ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2022/HSST ngày 23/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/QĐXXST-HS ngày 01/6/2022 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1974; Nơi ĐKKHKT: Xóm 6, xã XT, huyện XT, Nam Định; Chỗ ở: P506 TT Thiết bị vật tư du lịch, phường LH, quận ĐĐ, TP.Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Đặng Thị N; Có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1978; Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 399/HSST ngày 19/12/2017, Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn T 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 07/8/2018, T chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm theo BL số 1459 của Chi cục THA dân sự quận ĐĐ. Ngày 12/8/2019 chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích). Bắt khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 29/01/2022 đến ngày 30/01/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

1/Chị Bùi Thị Minh Th, sinh năm 1979, Trú tại: Thôn C, xã CB, huyện GL, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa

2/Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1982; Trú tại: thôn CĐ, xã ĐX, huyện GL, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa;

3/Anh Hoàng A (tên gọi khác: H), sinh năm 1975; Trú tại: thôn H, xã CB, huyện GL, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa

4/Chị Lã Thị D, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn LQB, xã KS, huyện GL, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa;

***Người làm chứng:**

1/Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1978; Trú tại: thôn Đ, xã ĐX, huyện GL, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa;

2/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn C, xã CB, huyện GL, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu cá nhân nên Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định giả tên “C” và đưa ra các thông tin giả có đất chuẩn bị xây nhà để đến các cửa hàng bán vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện GL hỏi mua vật liệu xây dựng, tạo lòng tin cho các chủ cửa hàng để hỏi vay tiền sau đó chiếm đoạt. Khoảng 13 giờ 00 ngày 28/01/2022, T điều khiển xe máy YAMAHA đeo BKS 16F6- 6092 đi từ nhà ở: P506 TT Thiết bị vật tư du lịch, LH, ĐĐ, Hà Nội đến bãi vật liệu xây dựng của anh Nguyễn Ngọc S, sinh 1978 ở thôn Đ, ĐX, GL, Hà Nội. T giới thiệu tên là C ở ĐNn, TQ, GL, Hà Nội và nói có mảnh đất gần đây chuẩn bị xây nhà và muốn mua nguyên vật liệu. T cho anh S số điện thoại 0983083621 của T để liên lạc rồi rời đi. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại bảo anh S cùng đến xem mảnh đất T sắp xây nhà gần bãi vật liệu của anh S và trao đổi muốn mua vật liệu của anh S. Anh S tin T mua nguyên vật liệu thật nên đã gọi điện thoại cho chị Bùi Thị Minh Th, sinh 1979, trú tại: Thôn C CB, GL, Hà Nội là người cũng bán vật liệu xây dựng để trao đổi về việc T muốn mua vật liệu xây dựng. Anh S gửi số điện thoại 0983083621 của T cho thì chị Th phát hiện đối tượng T trước đó đã chiếm đoạt tiền của chị. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, anh Nguyễn Văn H (chồng chị Th) và anh S đã bắt giữ được đối tượng T đưa về trụ sở Công an xã ĐX để điều tra làm rõ. Ngày 30/01/2022, Cơ quan điều tra- Công an huyện GL đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động vỏ màu đen, nhãn hiệu Nokia, lắp sim liên lạc số 0983083621; 01 xe mô tô YAMAHA Sirius màu đen, đeo BKS: 16F6 - 6092, số khung KY 124673, số máy: E3X9E609974 đã qua sử dụng.

Qua điều tra, đấu tranh, T khai nhận: Cũng với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 24/11/2021 đến 26/01/2022, bị can Nguyễn Văn T đã thực hiện 4 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ, ngày 24/11/2021, T điều khiển xe máy YAMAHA đeo BKS: 16F6- 6092 đi từ nhà đến gặp anh Nguyễn Văn S, sinh 1982 là chủ bãi vật liệu xây dựng tại thôn CD, DX, GL, Hà Nội. T giới thiệu tên là “C” đang muốn mua vật liệu xây dựng để xây nhà. Để tạo lòng tin, T cho anh S số điện thoại của T 0983083621 rồi dẫn anh S đi đến một ngôi nhà cũ ở gần bãi vật liệu của anh S và giới thiệu đó là nhà của T chuẩn bị xây. T hỏi vay anh S số tiền 5 Triệu đồng để T giải quyết công việc riêng. Anh S tin T sẽ mua nguyên vật liệu của anh S nên đồng ý và đưa cho T vay 5 triệu đồng. Số tiền trên T đã tiêu sài hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ ngày 25/11/2021, T điều khiển xe máy YAMAHA, BKS: 16F6- 6092 đến gặp anh Nguyễn Văn H, sinh 1979 và chị Bùi Thị Minh Th, sinh 1979 là chủ cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng tại HD, CB, GL, Hà Nội. Túng giới thiệu tên là “C” chuẩn bị khởi công xây dựng nhà gần nhà chị Th và được anh H là hàng xóm chị Th giới thiệu đến để mua vật liệu xây dựng. Sau khi trao đổi, T cho chị Th số điện thoại 0983083621 của T để liên lạc và T dẫn anh H đi xem một mảnh đất cách cửa hàng vật liệu xây dựng của anh H 100m. T hỏi bảng giá vật liệu xây dựng và bảo chiều mang tiền đến đặt cọc. Sau đó T đi về. Khoảng 15 phút sau T gọi điện cho chị Th hỏi vay 5.000.000 đồng để tiếp khách chiều sẽ đến đặt cọc tiền mua vật liệu và trả số tiền trên. Chị Th tin T sẽ mua vật liệu xây dựng của chị Th nên đồng ý và đưa cho T vay số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó T đi về và đã tiêu sài hết số tiền trên.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 17 giờ ngày 25/01/2022, T điều khiển xe máy YAMAHA đeo BKS 16F6- 6092 đi đến gặp anh Hoàng A (tức H), sinh 1975 chủ bãi vật liệu xây dựng tại thôn H, CB, GL, Hà Nội. T giới thiệu tên là “C”, sinh năm 1969, nhà ở ĐN, TQ, GL, Hà Nội đến mua gạch để xây nhà. T đang có mảnh đất gần nhà anh Hoàng A chuẩn bị xây và nhờ Hoàng A tìm thuê hộ thợ xây. Để tạo lòng tin, T cho anh Hoàng A số điện thoại của T 0983083621 và dẫn ra một mảnh đất trống ở khu 230 thôn H, CB cách nhà anh A khoảng 300m và giới thiệu là đất của T chuẩn bị xây nhà, sau đó T đi về. Khoảng 18 giờ T quay lại gặp anh Hoàng A hỏi vay 8.000.000 đồng để đi tiếp khách và hẹn tối cùng ngày trả tiền. Tin T sẽ mua vật liệu xây dựng nên anh Hoàng A đã đưa cho T số tiền vay 8.000.000 đồng. Số tiền trên T đã tiêu sài hết.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 15 giờ ngày 26/01/2022, T đi đến một bãi vật liệu xây dựng của chị Lã Thị D, sinh 1983 tại KS, GL, Hà Nội. T giới thiệu tên C và muốn mua vật liệu của chị D để xây nhà. T cho chị D số điện thoại của T 0983083621 để liên hệ và dẫn đến một mảnh đất ở khu vực thôn LQB, KS, GL, Hà Nội cách bãi vật liệu xây dựng của chị D khoảng 700m giới thiệu là đất của T chuẩn bị xây nhà để chị D tin tưởng T sẽ mua nguyên vật liệu, sau đó T đi về. Khoảng 16

giờ 30 cùng ngày T quay lại gặp chị D hỏi vay 2.200.000 đồng để đi tiếp khách và hẹn tối cùng ngày trả tiền và đặt cọc tiền mua vật liệu xây dựng. Chị D tin T sẽ mua vật liệu xây dựng nên đã đồng ý đưa cho T vay số tiền 2.200.000 đồng. Số tiền trên T đã tiêu sài hết.

Chiếc xe máy YAMAHA đeo BKS16 F6- 6092 số khung KY 124673, số máy E3X9E609974, T khai: Tháng 8/2021 T mua lại của một người đàn ông không rõ nhân thân, không có giấy tờ xe ở khu vực ĐĐ, Hà Nội để lấy phương tiện đi lại. Quá trình xác minh chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA số khung KY124673, số máy E3X9E609974 đeo BKS 29T1- 868.30 chủ xe là chị Nguyễn Thị D, sinh 1974; trú tại: Tổ 11, PL, HĐ, Hà Nội mua tháng 5/2019 đến tháng 6/2021 đã bán tại cửa hàng khu vực CG, Hà Nội. Xác minh BKS 16F6- 6092 là xe nhãn hiệu Wave màu xanh, số khung: NF100M- 0055849, số máy: NF100ME- 0055849 chủ xe là anh Đồng Văn Th, sinh 1958 trú tại: Số 3B11- TDP D2, phường CB, HA, Hải Phòng mua năm 2000 đến khoảng năm 2006 đã bán.

Đối với chiếc điện thoại di động vỏ màu đen, nhãn hiệu Nokia, lắp sim liên lạc số 0983083621 thu giữ bị can T liên quan hành vi phạm tội

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn S yêu cầu bị can Nguyễn Văn T trả lại số tiền 5.000.000 đồng, chị Bùi Thị Minh Th yêu cầu T trả lại số tiền 5.000.000 đồng, anh Hoàng A yêu cầu T trả lại số tiền 8.000.000 đồng và chị Lã Thị D yêu cầu T trả lại số tiền 2.200.000 đồng.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKSGL ngày 20/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL truy tố Nguyễn Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2022

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo

- Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả anh Nguyễn Văn S 5.000.000 đồng, trả chị Bùi Thị Minh Th 5.000.000 đồng, trả anh Hoàng A 8.000.000 đồng, trả chị Lã Thị D 2.200.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung công: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, BKS16 F6- 6092 số khung KY124673, số máy E3X9E609974; 01 điện thoại di động vỏ màu đen, nhãn hiệu Nokia có lắp sim liên lạc.
Bị cáo không có tranh luận gì bổ sung thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/11/2021 đến ngày 30/01/2022, bị cáo Nguyễn Văn T bằng thủ đoạn gian dối đưa ra các thông tin giả tên là “C” có nhiều mảnh đất cần xây dựng, hứa hẹn mua vật liệu xây dựng của anh Nguyễn Văn S anh Hoàng A; chị Bùi Thị Minh Th và chị Lã Thị D làm cho các anh, chị này tin là thật nên đã cho T vay tiền và T đã chiếm đoạt số tiền trên, cụ thể: Ngày 24/11/2021, bị cáo Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn S tại thôn CĐ, ĐX, GL, Hà Nội; Ngày 25/11/2021, bị cáo T chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của chị Bùi Thị Minh Th tại thôn C, xã CB, GL, Hà Nội; Ngày 25/01/2022, bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng của anh Hoàng A tại thôn H, xã CB, GL, Hà Nội và ngày 26/01/2022, bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền 2.200.000 đồng của chị Lã Thị D tại thôn LQB, KS, GL, Hà Nội. Tổng trị giá tài sản bị cáo Tg đã chiếm đoạt của anh S, chị Th, anh Hoàng A và chị D là **20.200.000 đồng**. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vi phạm khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng lòng tin của các chủ cửa hàng vật liệu xây dựng để đưa thông tin chuẩn bị xây nhà khu vực gần đó và cần mua vật liệu xây dựng hoặc phá dỡ nhà cũ để xây nhà mới, nhưng do chưa đủ thủ tục hành chính về xây dựng, về điện nước nên cần đi gặp gỡ các cán bộ xã, huyện gọi là đi tiếp khách. Do thiếu tiền tiếp khách nên vay trước các chủ cửa hàng vật liệu xây dựng để tới hoặc hôm sau sẽ trả và lấy vật liệu xây dựng của các cửa hàng này. Các chủ cửa hàng vật liệu xây dựng đã tin tưởng cho bị cáo vay tiền sau đó bị cáo đã cố tình không nghe điện thoại, không trả lại tiền cho họ. Việc bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của những người chủ cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng để lừa lấy tiền tiêu xài đã ảnh hưởng đến an ninh trật tự, địa phương, đến lòng tin của người dân cũng như hoạt động kinh doanh chính đáng của các chủ cửa hàng. Điều đó cũng thể hiện thái độ của bị cáo coi

thường pháp luật. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, vừa chấp hành xong hình phạt tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, dù đã được xóa án tích. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo đã 04 lần lừa đảo lấy tiền của người dân, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2] Về những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với kết quả nghị án của Hội đồng xét xử.

[3] Đánh giá về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, không có ai khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt này đối với bị cáo vì bị cáo không có việc làm ổn định.

[5] Về dân sự: Những người bị hại có yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả số tiền đã giao cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trả họ.

[6] Về vật chứng: Tại phiên tòa bị cáo khẳng định chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA đeo BKS16 F6- 6092 do bị cáo mua người không quen biết (tra cứu không nằm trong dữ liệu vật chứng) và 01 điện thoại di động vỏ màu đen, nhãn hiệu Nokia có lắp sim liên lạc đều là công cụ, phương tiện để bị cáo sử dụng trong quá trình lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mọi người. Vì vậy, cần tịch thu sung công.

[7] Về án phí: Bị cáo chịu án phí HSST, DSST theo pháp luật quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại đều có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự
- Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 20 (hai mươi)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả anh Nguyễn Văn S 5.000.000 đồng, trả chị Bùi Thị Minh Th 5.000.000 đồng, trả anh Hoàng A (tên gọi khác: H) 8.000.000 đồng, trả chị Lã Thị D 2.200.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu sung công: 01 xe mô tô loại YAMAHA, BKS16 F6-6092 số khung KY 124673, số máy E3X9E-609974 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động vỏ màu đen, nhãn hiệu Nokia có lắp sim liên lạc 0983083621 (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện GL và Chi cục thi hành án dân sự huyện GL ngày 26/5/2022).

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.010.000đ (một triệu không trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS huyện GL
- Công an huyện GL.
- Chi cục THADS huyện GL
- TAND thành phố Hà Nội
- Bị cáo.
- Người tham gia tố tụng (vắng mặt).
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Oanh